

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ HƯƠNG THỦY
TỈNH THỪA THIÊN HUẾ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **07/2019/DS-ST**

Ngày: 24-12-2019

V/v “*Tranh chấp phân chia
di sản thừa kế*”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ HƯƠNG THỦY,
TỈNH THỪA THIÊN HUẾ**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Ngọc Dũng.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Võ Trọng Thơi.
2. Ông Nguyễn Hữu Thành.

- Thư ký phiên tòa: Ông Lê Thanh TH- Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Hương Thủy, tỉnh Thừa Thiên Huế.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Hương Thủy tham gia phiên tòa: Ông Lê Văn Đông - Kiểm sát viên.

Trong các ngày 18 đến ngày 24 tháng 12 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Hương Thủy xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 29/2017/TLST-DS ngày 18 tháng 10 năm 2017 về việc “*Tranh chấp phân chia di sản thừa kế*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 84/2019/QĐXXST-DS ngày 27 tháng 9 năm 2019 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn:

- Ông Ngô T, sinh năm 1954. Địa chỉ: Số 01/81 đường HMT, phường VD, thành phố H, tỉnh Thừa Thiên Huế. Có mặt.
- Ông Ngô P, sinh năm 1955. Địa chỉ: Thôn 03, xã TC, huyện Đ, tỉnh KT.
- Bà Ngô Thị L, sinh năm 1944. Địa chỉ: Ấp TP 2, xã VP, huyện TS, tỉnh An Giang.

Người đại diện theo ủy quyền của ông Ngô P và bà Ngô Thị L: Ông Ngô T, sinh năm 1954. Địa chỉ: Số 01/81 đường HMT, phường VD, thành phố H, tỉnh Thừa Thiên Huế. Có mặt.

Người đại diện theo ủy quyền của ông Ngô T: Bà Trần Thị Hồng N, sinh năm 1977. Địa chỉ: Số 06 đường PBC, phường VN, thành phố H, tỉnh Thừa Thiên Huế. Có mặt.

2. Bị đơn:

- Bà Lê Thị G, sinh năm 1932. Địa chỉ: Thôn 03, xã TP, thị xã HT, tỉnh Thừa Thiên Huế.

Người đại diện theo ủy quyền của bà Lê Thị G: Bà Ngô Thị H, sinh năm 1970. Địa chỉ: Số 03 đường ĐXH, phường PB, thị xã HT, tỉnh Thừa Thiên Huế. Có mặt.

- Ông Ngô TH, sinh năm 1964. Địa chỉ: Thôn 03, xã TP, thị xã HT, tỉnh Thừa Thiên Huế. Vắng mặt.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan tham gia tố tụng về phía bị đơn:

- Ông Ngô Văn Đ, sinh năm 1966. Địa chỉ: Thôn 03, xã TC, huyện Đ, tỉnh Kon Tum.

- Bà Ngô Thị H, sinh năm 1970. Địa chỉ: Số 03 đường ĐXH, phường PB, thị xã HT, tỉnh Thừa Thiên Huế. Có mặt.

Người đại diện theo ủy quyền của ông Ngô Văn Đ: Bà Ngô Thị H, sinh năm 1970. Địa chỉ: Số 03 đường ĐXH, phường PB, thị xã HT, tỉnh Thừa Thiên Huế. Có mặt.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bà Lê Thị G, ông Ngô TH, bà Ngô Thị H: Ông Trần Nhật N- Luật sư Công ty trách nhiệm hữu hạn Một thành viên NN và Cộng sự, thuộc Đoàn luật sư tỉnh Thừa Thiên Huế. Địa chỉ: Số 52 đường HVT, thành phố H, tỉnh Thừa Thiên Huế. Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 15/9/2017 và các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, nguyên đơn, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày:

Về quan hệ nhân thân: Vào khoảng năm 1950, cha mẹ của các nguyên đơn là ông Ngô Đ1, sinh năm 1913, chết năm 1969 và bà Trương Thị S, sinh năm 1919, chết năm 1960 tạo lập được một thửa đất tọa lạc tại thôn 3, xã TP, thị xã HT, tỉnh Thừa Thiên Huế. Trên đất ông Ngô Đ1 và bà Trương Thị S có làm một ngôi nhà để ở. Quá trình chung sống, cha mẹ của các nguyên đơn là ông Ngô Đ1 và bà Trương Thị S sinh được 3 người con chung là ông Ngô T, ông Ngô P và bà Ngô Thị L. Năm 1960, bà Trương Thị S chết. Năm 1961, ông Ngô Đ1 lấy bà Lê Thị T, đến năm 1962, ông Ngô Đ1 chung sống với bà Lê Thị G và sinh ra được 3 người con là ông Ngô TH, ông Ngô Văn Đ và bà Ngô Thị H.

Về nguồn gốc thửa đất và tài sản gắn liền với đất: Ông Ngô Đ1 và bà Lê Thị G về ở trong nhà và đất do vợ chồng ông Ngô Đ1 và bà Trương Thị S tạo lập. Sau đó ông Ngô Đ1 và bà Lê Thị G có xây dựng một ngôi nhà phụ liền kề ngôi nhà của ông Ngô Đ1 và bà Trương Thị S. Năm 1969, ông Ngô Đ1 chết, bà Lê Thị G là người quản lý nhà đất nói trên. Năm 1985, do bão lũ nên ngôi nhà của ông Ngô Đ1 và bà Trương Thị S bị hư hỏng; bà Lê Thị G sửa lại ngôi nhà này.

- Theo bản đồ đo đạc năm 1985 thì thửa đất của ông Ngô Đ1, bà Trương Thị S để lại có số thửa 324 (T829), tờ bản đồ số 4 (Tờ bản đồ số 5) diện tích 1.152m² do bà Lê Thị G đứng tên kê khai.

- Theo bản đồ đo đạc năm 1996 thì thửa đất ông Ngô Đ1, bà Trương Thị S để lại có số thửa 248 tờ bản đồ số 01 có diện tích bị biến động tăng lên 1.391m^2 , tọa lạc tại thôn 3, xã TP, thị xã HT, tỉnh Thừa Thiên Huế do bà Lê Thị G đứng tên kê khai.

- Theo bản đồ đo đạc năm 2004 thì thửa đất do ông Ngô Đ1, bà Trương Thị S để lại có số thửa 129, tờ bản đồ số 24 có diện tích bị biến động giảm xuống còn $1.284,9\text{m}^2$ tọa lạc tại thôn 3, xã TP, thị xã HT, tỉnh Thừa Thiên Huế do bà Lê Thị G (Lê Thị Gân) đứng tên kê khai. Ngày 15/11/2004, bà Lê Thị G làm thủ tục và được Ủy ban nhân dân huyện Hương Thủy (Nay là Ủy ban nhân dân thị xã Hương Thủy) cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất có số R083597; có số thửa 248, tờ bản đồ số 01, diện tích $691,25\text{m}^2$ tọa lạc tại thôn 3, xã TP, thị xã HT, tỉnh Thừa Thiên Huế. Lý do giảm diện tích là tại thời điểm năm 2004, khi cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho bà Lê Thị G đã trừ phần diện tích quy hoạch đường Quốc lộ 1A ra khỏi diện tích cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho bà Lê Thị G theo Công văn số 487 ngày 06/6/2017 của Ủy ban nhân dân thị xã Hương Thủy. Do bà Lê Thị G kê khai nguồn gốc thửa đất không đúng dẫn đến việc cấp giấy chứng nhận cho bà Lê Thị G bị sai nên ngày 21/8/2013, Ủy ban nhân dân thị xã Hương Thủy đã ban hành Quyết định số 2055/QĐ-UBND thu hồi giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nói trên đã được cấp cho bà Lê Thị G. Sau đó bà Lê Thị G khiếu nại Quyết định thu hồi giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho bà G thì Ủy ban nhân dân thị xã Hương Thủy đã ban hành Quyết định số 4113/QĐ-UBND ngày 15/11/2013 không chấp nhận đơn khiếu nại của bà Lê Thị G. Sau đó bà Lê Thị G tiếp tục có đơn khiếu nại Quyết định số 4113/QĐ-UBND ngày 15/11/2013 của Ủy ban nhân dân thị xã Hương Thủy, đến ngày 23/4/2014, Ủy ban nhân dân tỉnh Thừa Thiên Huế ban hành Quyết định số 836/QĐ-UBND về việc đình chỉ giải quyết khiếu nại của bà Lê Thị G với lý do bà Lê Thị G có đơn xin rút đơn khiếu nại.

- Theo hồ sơ kỹ thuật thửa đất đo đạc ngày 09/5/2014 thì thửa đất do ông Ngô Đ1, bà Trương Thị S để lại có số thửa 168, tờ bản đồ số 03, diện tích $1.347,1\text{m}^2$, trong đó: Phần diện tích chiếm dụng để mở rộng Quốc lộ 1A có diện tích $264,4\text{m}^2$, phần diện này đã được đền bù với số tiền là 183.969.000 đồng; bà Lê Thị G đã nhận 4.000.000 đồng, còn lại 179.969.000 đồng được gửi tại Kho bạc Nhà nước thị xã Hương Thủy; diện tích còn lại $1.082,7\text{m}^2$, loại đất ONT.

Về yêu cầu phân chia tài sản thừa đất: Hiện nay có 02 ngôi nhà gồm:

+ Ngôi nhà do ông Ngô Đ1, bà Trương Thị S để lại gồm nhà lớn và nhà lều, hiện không có ai sinh sống. Trong quá trình sinh sống trên thửa đất này thì bà Lê Thị G có công lao cải tạo, tu sửa, quản lý.

+ Ngôi nhà do ông Ngô TH xây dựng và sinh sống.

Các nguyên đơn yêu cầu Tòa án phân chia di sản thừa kế của cha mẹ như sau:

- Đối với diện tích đất $1.082,7\text{m}^2$: Các nguyên đơn đồng ý để lại cho bà Lê Thị G 5,0% giá trị di sản thừa kế vì bà Lê Thị G có công lao bảo quản, tôn tạo di sản thừa kế. Cụ thể: $1.082,7\text{m}^2 \times 5\% = 54,135\text{m}^2$. Còn lại $1.028,565\text{m}^2$ yêu cầu chia như sau:

Thứ nhất: Đối với di sản thừa kế của ông Ngô Đ1, bà Trương Thị S được phân

chia thành 2 phần bằng nhau gồm: $1.028,565\text{m}^2 : 2 = 514,282\text{m}^2$.

- Bà Trương Thị S chết trước ông Ngô Đ1 nên di sản do bà Trương Thị S để lại được chia thành 04 phần bằng nhau cho 04 người gồm: Ông Ngô Đ1, ông Ngô T, ông Ngô P và bà Ngô Thị L. Cụ thể $514,282\text{m}^2 : 4 \text{ phần}/4 \text{ người} = 128,570\text{m}^2$.

Như vậy, di sản do ông Ngô Đ1 để lại đối với phần diện tích đất tổng cộng thành $514,282\text{m}^2 + 128,570\text{m}^2 = 642,852\text{m}^2$.

- Các nguyên đơn yêu cầu chia di sản do ông Ngô Đ1 để lại cho 07 người gồm: Bà Lê Thị G, ông Ngô TH, ông Ngô Văn Đ, bà Ngô Thị H, ông Ngô T, ông Ngô P và bà Ngô Thị L. Cụ thể: $642,852\text{m}^2 : 7 \text{ phần}/7 \text{ người} = 91,836\text{m}^2$.

Tổng cộng: Phần diện tích đất mà ông Ngô T, bà Ngô Thị L và ông Ngô P mỗi người được hưởng của cha mẹ để lại là $128,570\text{m}^2 + 91,836\text{m}^2 = 220,406\text{m}^2$.

Vị trí mà các nguyên đơn lần lượt yêu cầu được nhận là từ phần đất tiếp giáp đường kiệt đi vào kiệt xóm (Vào nhà ông Phan Văn Quả) được chia cho ông Ngô T, đến ông Ngô P và bà Ngô Thị L.

Thứ hai:

+ Ngôi nhà do ông Ngô Đ1, bà Trương Thị S để lại gồm nhà lớn và nhà lều được ông Ngô Đ1, bà Lê Thị G cải tạo gồm có 05 gian kèm theo các công trình phụ như nhà vệ sinh, giếng nước. Trong quá trình sinh sống trên thửa đất này thì bà Lê Thị G có công lao cải tạo, tu sửa. Phía nguyên đơn từ chối nhận di sản thừa kế là nhà và tặng lại cho bà Lê Thị G được hưởng.

Về tiền bồi thường thiệt hại khi giải phóng mặt bằng mở rộng quốc lộ 1A: Số tiền bồi thường là 183.969.000đ, trong đó tiền bồi thường hoa màu không thuộc di sản thừa kế là 4.000.000đ, bà Lê Thị G đã nhận 4.000.000đ. Còn lại số tiền thuộc di sản thừa kế là 179.969.000đ, nguyên đơn yêu cầu phân chia như sau: Để lại cho bà Lê Thị G 5,0% số tiền vì đã có công lao bảo quản, tôn tạo di sản thừa kế. Cụ thể: $179.969.000\text{đ} \times 5,0\% = 8.998.450\text{đ}$. Còn lại 170.970.550đ yêu cầu phân chia như sau:

Đối với di sản thừa kế của ông Ngô Đ1, bà Trương Thị S để lại được phân chia thành 2 phần bằng nhau gồm: $170.970.550\text{đ} : 2 \text{ phần} = 85.485.275\text{đ}$.

- Bà Trương Thị S chết trước ông Ngô Đ1 nên di sản do bà Trương Thị S để lại được chia thành 04 phần bằng nhau cho 04 người gồm: Ông Ngô Đ1, ông Ngô T, ông Ngô P và bà Ngô Thị L. Cụ thể $85.485.275\text{đ} : 4 \text{ phần} = 21.371.318\text{đ}$. Như vậy, di sản thừa kế là tiền do ông Ngô Đ1 để lại là $85.485.275\text{đ} + 21.371.318\text{đ} = 106.856.593\text{đ}$.

- Nguyên đơn yêu cầu chia di sản là tiền do ông Ngô Đ1 để lại cho 07 người gồm bà Lê Thị G, ông Ngô TH, ông Ngô Văn Đ, bà Ngô Thị H, ông Ngô T, ông Ngô P, bà Ngô Thị L. Cụ thể: $106.856.593\text{đ} : 7 \text{ phần} = 15.265.227\text{đ}$.

Tổng cộng số tiền mà ông Ngô T, bà Ngô Thị L, ông Ngô P mỗi người được hưởng của cha, mẹ là $21.371.318\text{đ} + 15.265.227\text{đ} = 36.636.545\text{đ}$.

Tại các đơn trình bày, kiến nghị bị đơn (Bà Lê Thị G), người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là ông Ngô Văn Đ, bà Ngô Thị H (Bà Ngô Thị H đồng thời là người đại diện theo ủy quyền của bà Lê Thị G, ông Ngô Văn Đ) và tại phiên tòa đã trình bày:

Về nguồn gốc thửa đất:

- Theo bản đồ địa chính năm 1985 thửa 324, tờ bản đồ số 01 diện tích 1.152m² do bà Lê Thị G đứng tên kê khai.

- Theo bản đồ địa chính năm 1996 thửa 248, tờ bản đồ số 01 diện tích 1.391m² do bà Lê Thị G kê khai đứng tên kê khai.

- Theo bản đồ địa chính đo đạc năm 2004 thì thửa đất số 129, tờ bản đồ số 24 diện tích 1.284m² tọa lạc tại thôn 3, xã TP, thị xã HT, tỉnh Thừa Thiên Huế đứng tên bà Lê Thị G. Ngoài ra, ngày 10/3/2004 Ủy ban nhân dân xã Thủy Phù đã lập biên bản xác định ranh giới thửa đất theo hiện trạng sử dụng.

- Ngày 20/9/2004, bà Lê Thị G đăng ký, kê khai cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, đăng ký nhà ở có kết cấu cấp 4 trên diện tích 300m².

- Ngày 15/11/2004, Ủy ban nhân dân thị xã Hương Thủy cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất có diện tích 691,25m², thửa đất số 248, tờ bản đồ 01 đứng tên Lê Thị G.

Về yêu cầu tài sản nhà, đất:

- Đề nghị Tòa án xác định quyền liên quan đến tài sản nhà, đất tại thôn 3, xã TP, thị xã HT của ông Ngô Đ1 làm căn cứ xác định di sản thừa kế.

- Đề nghị Tòa án xác định quyền tạo lập, quản lý và sử dụng của bà Lê Thị G tại thôn 3, xã TP, thị xã HT, tỉnh Thừa Thiên Huế trước khi xác định phân chia di sản thừa kế.

- Đề nghị Tòa án xác định ngôi nhà cấp 4 tọa lạc trên thửa đất tại thôn 3, xã TP, thị xã HT, tỉnh Thừa Thiên Huế là tài sản riêng của bà Lê Thị G.

- Đề nghị Tòa án xác định công sức làm tăng giá trị nhà, đất của bà Lê Thị G mà nguyên đơn yêu cầu phân chia.

- Trường hợp Tòa án phân chia di sản thừa kế thì đề nghị giữ nguyên hiện trạng nhà, đất như hiện nay để làm nơi thờ phụng tổ tiên.

Bà Ngô Thị H mong muốn anh em trong gia đình được đoàn kết để làm được nhà thờ chung.

Đối với phần tài sản trên đất như: Phần cổng, hàng rào trước đây ông Ngô T có đem tiền về để xây dựng chung; còn phần cổng trước nhà ông Ngô TH thì ông Ngô TH xây dựng; còn tài sản là hoa màu trên đất thì bà H không yêu cầu phân chia.

Bị đơn là ông Ngô TH không có bản khai trong quá trình Tòa án giải quyết vụ án này, người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp là luật sư Trần Nhật Nam có ý kiến trình bày quan điểm như ý kiến của bị đơn bà Lê Thị G và các con của bà Lê Thị G. Cụ thể: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ Điều 609, 612, 613, 623, 649, 650, 651, 660 Bộ luật dân sự năm 2015; Điều 266 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điều 75 Luật đất đai năm 2013; Quyết định số 32/2014/QĐ-UBND ngày 30/6/2014 của Ủy ban nhân dân tỉnh Thừa Thiên Huế để tuyên xử:

- Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc phân chia di sản thừa kế của ông Ngô Đ1 và bà Trương Thị S; không chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn về việc phân chia hiện vật quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở, thửa đất số

248; đình chỉ yêu cầu của nguyên đơn về việc phân chia số tiền bồi thường giải phóng mặt bằng, bà Lê Thị G được hưởng toàn bộ số tiền này theo Điều 75 Luật đất đai năm 2013. Xác định hàng thừa kế thứ nhất đối với di sản của ông Ngô Đ1 gồm bà Lê Thị G, ông Ngô TH, ông Ngô Văn Đ, bà Ngô Thị H, ông Ngô T, bà Ngô Thị L, ông Ngô P. Phân chia di sản thừa kế của ông Ngô Đ1 theo giá thị trường tương ứng bằng tiền, kỹ phần các đồng thừa kế của ông Ngô Đ1 được hưởng là 165.208.286đ.

Lời khai của bà Ngô Thị Thom được thu thập từ hồ sơ vụ án trước đây trình bày như sau: Bà Ngô Thị Thom là con đẻ của ông Ngô Khương và bà Nguyễn Thị Lợ. Sau khi ông Ngô Đ1 và bà Trương Thị S cưới nhau thì ra ở riêng và có tạo lập được một thửa đất và xây dựng nhà để ở. Được sự đồng ý của ông Ngô Đ1 và bà Trương Thị S nên ông Ngô Khương và bà Nguyễn Thị Lợ có làm một ngôi nhà tranh trên thửa đất của ông Ngô Đ1 và bà Trương Thị S tạo lập. Sau đó ngôi nhà bị hư hỏng nên ông Ngô Khương, bà Nguyễn Thị Lợ cùng chị gái của mình là Ngô Thị Tho về ở với ông Ngô Văn Diệm ở thôn 3, xã Thủy Phù cho đến khi qua đời.

Tại phiên tòa, Kiểm sát viên phát biểu ý kiến như sau:

- Về việc tuân theo pháp luật của những người tiến hành tố tụng và người tham gia tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa, nguyên đơn, tuân thủ đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không tham gia trong một số phiên hòa giải, phiên tòa là vi phạm quyền và nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về quan điểm giải quyết vụ án: Viện kiểm sát nhân dân thị xã Hương Thủy đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng các Điều 609, 610, 611, 612, 623, 649 và Điều 650 Bộ luật dân sự; Điều 179 Luật Đất đai để giải quyết theo hướng: Chấp nhận yêu cầu chia thừa kế của các đồng nguyên đơn là ông Ngô T, ông Ngô P và bà Ngô Thị L theo kỹ phần thừa kế như yêu cầu của các đồng nguyên đơn.

- Về án phí: Bà Lê Thị G, ông Ngô T, ông Ngô P và bà Ngô Thị L là người cao tuổi theo quy định của Luật Người cao tuổi được miễn tiền án phí thuộc trường hợp quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 12, Điều 48 Nghị quyết 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016. Đối với các đương sự khác thì mỗi bên đương sự phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo mức tương ứng với giá trị phần tài sản mà họ được chia trong khối di sản thừa kế.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng:

- Từ khi thụ lý vụ án cho đến phiên tòa ông Ngô TH được Tòa án triệu tập họp lệ nhiều lần, nhưng vẫn tiếp tục vắng mặt là vi phạm quyền, nghĩa vụ của bị đơn. Vì vậy, Hội đồng xét xử căn cứ Điều 227, 228 Bộ luật tố tụng dân sự để xét xử vắng mặt ông Ngô TH là đúng quy định của pháp luật.

- Quá trình giải quyết vụ án, ông Ngô TH có đơn yêu cầu luật sư Trần Nhật Nam là người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho mình và được Tòa án chấp nhận. Đến thời điểm xét xử Tòa án không nhận được văn bản nào của ông Ngô TH về việc từ chối ông Trần Nhật Nam tham gia bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình. Vì

vậy, Hội đồng xét xử xác định quan điểm bào chữa của luật sư Trần Nhật Nam cũng chính là ý chí của ông Ngô TH.

[2] Về nội dung:

- Căn cứ vào giấy chứng tử của bà Trương Thị S, các giấy tờ về nhân thân của ông Ngô T và các tài liệu khác có trong hồ sơ vụ án, có đủ căn cứ chứng minh ông Ngô Đ1 và bà Trương Thị S là vợ chồng, có quan hệ hôn nhân hợp pháp. Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và lời khai của các đương sự thì ông Ngô Đ1 có hai người vợ hợp pháp là bà Trương Thị S và bà Lê Thị G. Ông Ngô Đ1 và bà Trương Thị S có 03 người con chung gồm ông Ngô T, ông Ngô P và bà Ngô Thị L.

Năm 1960 bà Trương Thị S chết không để lại di chúc, năm 1962 ông Ngô Đ1 kết hôn với bà Lê Thị G. Ông Ngô Đ1 và bà Lê Thị G có 3 người con chung gồm ông Ngô TH, ông Ngô Văn Đ và bà Ngô Thị H. Ngoài ra, theo các đương sự khai thì ông Ngô Đ1 có chung sống với bà Lê Thị Thê và sinh được một người con tên Nguyễn Văn Cầu, nhưng bà Lê Thị Thê không đến sinh sống tại thửa đất do ông Ngô Đ1 và bà Trương Thị S tạo lập. Tuy nhiên, hiện không có căn cứ pháp lý nào để khẳng định ông Ngô Đ1 và bà Lê Thị Thê là vợ chồng, cũng như không có căn cứ pháp lý, hộ tịch nào chứng minh ông Nguyễn Văn Cầu là con đẻ của ông Ngô Đ1; bản thân ông Nguyễn Văn Cầu cũng không có yêu cầu, ý kiến gì đối với việc phân chia di sản thừa kế của ông Ngô Đ1.

- Về yêu cầu phân chia di sản thừa kế: Năm 1969 ông Ngô Đ1 chết không để lại di chúc; thời hiệu yêu cầu chia di sản thừa kế vẫn còn theo quy định của Bộ luật dân sự; quy định tại Điều 36 của Pháp lệnh về thừa kế năm 1990 và Nghị quyết số 02/HĐTP ngày 19/10/1990 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao.

Tài sản các đương sự đang tranh chấp là ngôi nhà cấp 4 trên thửa đất có diện tích đo đạc thực tế là 1.082,7m², thuộc sổ thửa 168, tờ bản đồ số 3 tọa lạc tại thôn 3, xã TP, thị xã HT, tỉnh Thừa Thiên Huế. Ngoài ra, các đương sự còn tranh chấp tiền bồi thường do Nhà nước thu hồi đất khi giải phóng mặt bằng là 179.969.000đ. Hiện số tiền này tạm gửi tại Kho bạc Nhà nước thị xã Hương Thủy.

Các nguyên đơn cho rằng ông Ngô Đ1 và bà Trương Thị S khi còn sống tạo lập được 01 thửa đất thuộc sổ thửa 168, tờ bản đồ số 3, tọa lạc tại thôn 3, xã TP, thị xã HT, tỉnh Thừa Thiên Huế, trên đất có 01 ngôi nhà cấp 4 hiện nay. Căn cứ lời khai của người làm chứng và lời khai của bà Ngô Thị Thơm (Con của ông Ngô Khương và bà Nguyễn Thị Lợi) thửa đất đang tranh chấp do ông Ngô Đ1 và bà Trương Thị S tạo lập, trên thửa đất tranh chấp hiện có 01 ngôi nhà cấp 4 do ông Ngô Đ1 và bà Trương Thị S xây dựng. Bà Lê Thị G cũng thừa nhận ngôi nhà cấp 4 hiện nay do ông Ngô Đ1 và Trương Thị S xây dựng. Như vậy, có cơ sở khẳng định thửa đất số 168, tờ bản đồ số 3 trên đất có 01 ngôi nhà cấp 4 tọa lạc tại thôn 3, xã TP, thị xã HT, tỉnh Thừa Thiên Huế có nguồn gốc do ông Ngô Đ1, bà Trương Thị S tạo lập, có công lao quản lý, tôn tạo của bà Lê Thị G. Diện tích đất tranh chấp đo đạc thực tế là 1.082,7m².

Sau khi ông Ngô Đ1, bà Trương Thị S chết, bà Lê Thị G là người trực tiếp quản lý, sử dụng nhà đất. Quá trình sử dụng đất bà Lê Thị G đăng ký kê khai theo Chỉ thị

299/TTg; theo sổ mục kê lập năm 1985 thửa đất nói trên có số 829, tờ bản đồ số 05, diện tích 1.152m²; theo bản đồ địa chính và sổ mục kê lập năm 1996 thửa đất có số 248, tờ bản đồ số 01, diện tích 1.391m²; theo bản đồ địa chính năm 2004 thửa đất có số 129, tờ bản đồ số 24 diện tích 1.284,9m²; theo bản đồ địa chính năm 2014 thửa đất có số 168, tờ bản đồ số 03 diện tích 1.347,1m².

Ngày 15/11/2004, Ủy ban nhân dân huyện Hương Thủy cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số R083597 đối với thửa đất nói trên cho bà Lê Thị G. Tuy nhiên, đến ngày 21/8/2013 Ủy ban nhân dân nhân thị xã Hương Thủy ban hành Quyết định số 2055/QĐ-UBND ngày 21/8/2013 thu hồi giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số R083597 đã cấp cho bà Lê Thị G. Quá trình sử dụng đất cho thấy thửa đất đang tranh chấp có 01 phía tiếp giáp đường Quốc lộ 1A, 02 phía tiếp giáp đường liên thôn, phía sau nhà tiếp giáp thửa đất ông Phan Văn Quả đã xây tường rào. Quá trình sử dụng đất ranh giới ổn định, không có tranh chấp, 03 vị trí còn lại tiếp giáp với đường đi nên không có việc lấn chiếm đất hay khai hoang mở rộng diện tích đất. Kết quả đo đạc có diện tích khác nhau qua các lần đo đạc là do tại thời điểm đo đạc thành lập bản đồ 299/TTg lập năm 1985 và bản đồ giải thửa lập năm 1996, công tác đo đạc thực hiện bằng tay, công cụ đo đạc không có độ chính xác cao, do đó dẫn đến sai số khi đo và tính toán diện tích.

Năm 2014, thửa đất bị thu hồi 264,4m² để mở rộng Quốc lộ 1A với số tiền 179.969.000đ.

Theo quy định Nghị quyết số 02/2004/NQ-HĐTP ngày 10/8/2004 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao về hướng dẫn áp dụng pháp luật trong việc giải quyết các vụ án dân sự, hôn nhân và gia đình thì trong trường hợp này, ông Ngô Đ1 và bà Trương Thị S chết để lại quyền sử dụng đất mà đất không có giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và cũng không có một trong các giấy tờ theo quy định của Luật đất đai, nhưng có di sản là nhà ở gắn liền với quyền sử dụng đất. Mặt khác, việc sử dụng đất đang tranh chấp không vi phạm quy hoạch và có thể được xem xét để giao quyền sử dụng đất đối với toàn bộ diện tích đất thuộc số thửa 168, tờ bản đồ số 3 tại thôn 3, xã TP, thị xã HT, tỉnh Thừa Thiên Huế. Do đó, Hội đồng xét xử có căn cứ khẳng định di sản thừa kế của ông Ngô Đ1, bà Trương Thị S để lại gồm ngôi nhà cấp 4 gắn liền với thửa đất có diện tích 1.082,7m² tọa lạc tại số thửa 168, tờ bản đồ số 39 (Theo trích đo địa chính là thửa số 129, tờ bản đồ địa chính 24 đo vẽ năm 2004 tại xã Thủy Phú) tọa lạc tại thôn 3, xã TP, thị xã HT, tỉnh Thừa Thiên Huế. Đối với phần đất Nhà nước thu hồi là 264,4m², nay không còn đất chỉ có tiền bồi thường về đất là 179.969.000đ nên khoản tiền này cũng được xác định là di sản thừa kế của ông Ngô Đ1, bà Trương Thị S có công lao của bà Lê Thị G. Vì vậy, các nguyên đơn khởi kiện yêu cầu phân chia di sản thừa kế là có căn cứ pháp luật nên chấp nhận.

Tại phiên tòa, các đương sự nhường phần di sản thừa kế là ngôi nhà cho bà Lê Thị G là hoàn toàn tự nguyện, không trái pháp luật; phù hợp với đạo Đ xã hội; phù hợp với bản trình bày ý kiến cũng như ý chí của bà Lê Thị G, ông Ngô TH, ông Ngô

Văn Đ, bà Ngô Thị H là muốn giữ lại ngôi nhà này để làm nơi thờ tự nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

- Về việc phân chia di sản thừa kế: Như đã phân tích, bà Lê Thị G có nhiều công lao trong việc quản lý, tôn tạo đất đai, nhà cửa cho đến hôm nay. Các nguyên đơn cũng thừa nhận việc này nên trích cho bà Lê Thị G 5,0% trong tổng số di sản thừa kế. Tuy nhiên, Hội đồng xét xử thấy rằng cần phải trích cho bà Lê Thị G 10% công lao đóng góp tôn tạo, quản lý trong tổng số di sản thừa kế mới đảm bảo được công sức của bà Lê Thị G. Cụ thể: Diện tích quyền sử dụng đất $1.082,7m^2 \times 10\% = 108,27m^2$. Còn lại $974,43m^2$ được phân chia như sau:

Thứ nhất: Đối với di sản thừa kế của ông Ngô Đ1, bà Trương Thị S phân chia thành 2 phần bằng nhau, diện tích đất $974,43m^2 : 2 = 487,215m^2$.

- Bà Trương Thị S chết trước ông Ngô Đ1 nên di sản do bà Trương Thị Sánh để lại được phân chia thành 04 phần bằng nhau cho 04 người gồm ông Ngô Đ1, ông Ngô T, ông Ngô P và bà Ngô Thị L. Cụ thể: $487,215m^2 : 4 \text{ phần} = 121,803m^2$. Như vậy, di sản do ông Ngô Đ1 để lại đối với phần diện tích đất là $609,018m^2$ ($487,215m^2 + 121,803m^2$).

- Di sản thừa kế do ông Ngô Đ1 để lại được chia cho 07 người gồm bà Lê Thị G, ông Ngô TH, ông Ngô Văn Đ, bà Ngô Thị H, ông Ngô T, ông Ngô P và bà Ngô Thị L. Cụ thể mỗi người được hưởng $87,002m^2$ ($609,018m^2 : 7 \text{ phần}$). Tổng cộng ông Ngô T, bà Ngô Thị L, ông Ngô P mỗi người được hưởng là $208,805m^2$ ($121,803m^2 + 87,002m^2$); bà Lê Thị G được hưởng $195,272m^2$ ($108,27m^2 + 87,002m^2$). Tại phiên tòa bà Ngô Thị H vừa là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vừa đại diện theo ủy quyền của ông Ngô Văn Đ nhường lại phần di sản cho mẹ đẻ là bà Lê Thị G $174,004m^2$ đất. Việc này là tự nguyện, không trái pháp luật, phù hợp với đạo Đ xã hội nên cần chấp nhận. Như vậy, bà Lê Thị G được hưởng tổng cộng $369,276m^2$.

- Phân chia số tiền bồi thường giải phóng mặt bằng mở rộng quốc lộ 1A: Số tiền bồi thường thuộc di sản thừa kế là 179.969.000đ, để lại cho bà Lê Thị G 10% số tiền vì đã có công lao bảo quản, tôn tạo. Cụ thể: $179.969.000đ \times 10\% = 17.996.900đ$. Còn lại 161.972.100đ được phân chia như sau:

Đối với di sản thừa kế của ông Ngô Đ1, bà Trương Thị S để lại được phân chia thành 2 phần bằng nhau gồm: $161.972.100đ : 2 \text{ phần} = 80.986.050đ$.

- Bà Trương Thị S chết trước ông Ngô Đ1 nên di sản do bà Trương Thị S để lại được chia thành 04 phần cho 04 người gồm ông Ngô Đ1, ông Ngô T, ông Ngô P và bà Ngô Thị L. Cụ thể mỗi người được hưởng 20.246.512đ ($80.986.050đ : 4 \text{ phần}$). Như vậy, di sản thừa kế là tiền do ông Ngô Đ1 để lại là 101.232.562đ ($80.986.050đ + 20.246.512đ$).

- Di sản thừa kế là tiền do ông Ngô Đ1 để lại được chia cho 07 người gồm bà Lê Thị G, ông Ngô TH, ông Ngô Văn Đ, bà Ngô Thị H, ông Ngô T, ông Ngô P và bà Ngô Thị L. Cụ thể mỗi người được hưởng 14.461.794đ ($101.232.562đ : 7 \text{ phần}$).

Tổng cộng số tiền ông Ngô T, bà Ngô Thị L và ông Ngô P mỗi người được hưởng 34.708.306đ; bà Lê Thị G được hưởng 32.458.964đ; bà Ngô Thị H, ông Ngô

Văn Đ nhường lại phần di sản cho mẹ đẻ là bà Lê Thị G với số tiền 28.923.588đ nên tổng cộng bà Lê Thị G được hưởng 61.382.552đ.

- Đối với việc xét giao diện tích đất ở và diện tích đất trồng cây lâu năm: Căn cứ Quyết định số 32/2014/QĐ-UBND ngày 30/6/2014 của Ủy ban nhân dân tỉnh Thừa Thiên Huế cũng như văn bản trả lời của Cơ quan chuyên môn thị xã Hương Thủy thì trong tổng số 1.082,7m² có 500m² đất ở và 582,7m² đất trồng cây lâu năm. Căn cứ vào hiện trạng sử dụng, phù hợp với quy hoạch, công lao đóng góp, phần di sản được chia, Hội đồng xét xử nhận định cần phân chia cho bà Lê Thị G được quyền sử dụng 80m² đất ở; các ông Ngô TH, Ngô P, Ngô T, Ngô Văn Đ, bà Ngô Thị L, bà Ngô Thị H mỗi người được quyền sử dụng nhận 70m² đất ở là phù hợp, bảo đảm hài hòa lợi ích giữa các thành viên trong gia đình.

- Đối với việc giao quyền sử dụng, quyền sở hữu đối với di sản thừa kế:

Đối với ông Ngô TH: Căn cứ vào hiện trạng sử dụng, công trình xây dựng trên thửa đất thì hiện nay trên thửa đất có 01 ngôi nhà do ông Ngô TH xây dựng, trực tiếp sinh sống có diện tích 93,9m². Thực tế phần diện tích mà ông Ngô TH đang sử dụng vượt quá diện tích là phần di sản thừa kế mà ông Ngô TH được hưởng 87,002m². Qua tính toán lựa chọn phương án phù hợp nhất, Hội đồng xét xử nhận thấy cần tiếp tục giao cho ông Ngô TH sử dụng với diện tích phù hợp là 228,9m² (Vượt phần di sản được hưởng 141,898m²), trong đó diện tích ngoài lộ giới 186,2m², diện tích trong lộ giới 42,7m². Phần diện tích vượt phần di sản mà ông Ngô TH được hưởng được xác định là một phần diện tích của bà Lê Thị G, bà Ngô Thị L, ông Ngô P, ông Ngô T. Ông Ngô TH có nghĩa vụ thanh toán lại giá trị quyền sử dụng đất cho bà Lê Thị G, bà Ngô Thị L, ông Ngô P, ông Ngô T. Cụ thể:

+ Ông Ngô TH có nghĩa vụ thanh toán cho bà Lê Thị G 21,176m² đất trồng cây lâu năm theo giá thị trường tại thời điểm định giá 01m² đất trồng cây lâu năm có giá trị 3.500.000đ. Cụ thể: 21,176m² x 3.500.000đ = 74.116.000đ.

+ Ông Ngô TH có nghĩa vụ thanh toán cho bà Ngô Thị L một phần diện tích đất trồng cây lâu năm là 40,505m² x 3.500.000đ/01m² = 141.767.500đ.

+ Ông Ngô TH có nghĩa vụ thanh toán cho ông Ngô P một phần diện tích đất trồng cây lâu năm là 40,506m² x 3.500.000đ/01m² = 142.117.500đ.

+ Ông Ngô TH có nghĩa vụ thanh toán cho ông Ngô T một phần diện tích đất trồng cây lâu năm là 39,605m² x 3.500.000đ/01m² = 138.617.500đ.

Như vậy, tổng cộng ông Ngô TH được hưởng diện tích đất là 228,9m², bao gồm 70,0m² đất ở và 158,9m² đất trồng cây lâu năm.

Các cây trồng trên thửa đất gồm cây cau, măng cụt, bưởi, đinh lăng do ông Ngô TH tạo lập thuộc quyền sở hữu của ông Ngô TH. Đối với phần tường rào do ông Ngô T xây dựng nằm trong diện tích đất được phân chia cho ông Ngô TH thì ông Ngô T không yêu cầu thanh toán giá trị xây dựng nên công nhận.

Đối với bà Lê Thị G: Bà Lê Thị G được quyền hưởng 369,276m². Tuy nhiên, bà Lê Thị G bị trừ đi 21,176m² đất trồng cây lâu năm vào phần đất mà ông Ngô TH được hưởng. Như vậy bà Lê Thị G còn sử dụng 348,1m², trong đó 220m² đất ở và

128,1m² đất trồng cây lâu năm; trên thửa đất này hiện nay tồn tại ngôi nhà cấp 4, nhà vệ sinh, một phần tường rào và cây trồng. Bà Lê Thị G được ông Ngô TH thanh toán lại số tiền 74.116.000đ.

Các công trình xây dựng khác là nhà vệ sinh, cây trồng trên thửa đất do bà Lê Thị G tạo lập thuộc quyền sở hữu của bà Lê Thị G. Ông Ngô T không yêu cầu bà Lê Thị G thanh toán giá trị xây dựng tường rào trên diện tích bà Lê Thị G được hưởng nên công nhận.

Đối với ông Ngô T được hưởng di sản thừa kế bằng hiện vật diện tích đất 208,805m², trong đó 70m² đất ở và 138,085m² đất trồng cây lâu năm. Tuy nhiên, ông Ngô T bị trừ đi một phần diện tích đất vào phần đất trồng cây lâu năm của ông Ngô TH là 39,605m². Ông Ngô T còn sử dụng 169,2m². Ông Ngô TH có nghĩa vụ thanh toán cho ông Ngô T số tiền 138.617.500đ.

Cây trồng trên đất thuộc quyền sở hữu của ông Ngô T gồm cây cau, rau muống, chuối; bà Lê Thị G không yêu cầu ông Ngô T thanh toán lại giá trị cây trồng trên đất nên công nhận.

Đối với ông Ngô P được hưởng di sản thừa kế bằng hiện vật diện tích đất 208,805m², trong đó 70m² đất ở và 138,085m² đất trồng cây lâu năm. Tuy nhiên, ông Ngô P bị trừ đi một phần diện tích đất vào phần đất trồng cây lâu năm của ông Ngô TH là 40,506m². Ông Ngô P còn sử dụng 168,2m². Ông Ngô TH có nghĩa vụ thanh toán cho ông Ngô P số tiền 142.117.500đ.

Cây trồng trên đất gồm có cây bông Trang, chuối; bà Lê Thị G không yêu cầu ông Ngô P thanh toán lại giá trị cây trồng trên đất nên công nhận; ông Ngô T không yêu cầu ông Ngô P thanh toán lại giá trị xây dựng nên công nhận.

Đối với bà Ngô Thị L được hưởng di sản thừa kế bằng hiện vật diện tích đất 208,805m², trong đó 70m² đất ở và 138,085m² đất trồng cây lâu năm. Tuy nhiên, bà Ngô Thị L bị trừ đi một phần diện tích đất vào phần đất trồng cây lâu năm của ông Ngô TH là 40,505m². Bà Ngô Thị L còn sử dụng 168,3m². Ông Ngô TH có nghĩa vụ thanh toán cho bà Ngô Thị L số tiền 141.767.500đ.

Đối với giếng nước, phần diện tích tường rào nằm trong phần diện tích đất mà bà Ngô Thị L được phân chia thì không ai yêu cầu thanh toán lại giá trị xây dựng nên công nhận.

[3] Về lệ phí đo đạc đất, định giá tài sản: Lệ phí đo đạc, định giá tài sản với số tiền 3.709.000đ. Ông Ngô T đồng ý chịu toàn bộ số tiền này nên công nhận.

[4] Về án phí:

- Bà Lê Thị G, ông Ngô T, ông Ngô P, bà Ngô Thị L là người cao tuổi theo quy định của Luật Người cao tuổi, thuộc trường hợp quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội nên được miễn toàn bộ tiền án phí dân sự sơ thẩm thẩm theo mức tương ứng với giá trị phân tài sản mà họ được chia trong khối di sản thừa kế.

- Đối với bà Lê Thị G được ông Ngô T, ông Ngô P, bà Ngô Thị L, bà Ngô Thị H, ông Ngô TH, ông Ngô Văn Đ nhường lại quyền hưởng di sản thừa kế nên bà Lê

Thị G không thuộc trường hợp được miễn án phí mà phải chịu phần án phí đối với phần giá trị di sản được nhường. Cụ thể:

Giá trị ngôi nhà được định giá $84.893.000đ \times 10\% = 8.489.300đ$.

Giá trị ngôi nhà được chia thành 2 phần của ông Ngô Đ1, bà Trương Thị S sau khi trừ đi công sức của bà Lê Thị G là $(84.893.000đ - 8.489.300đ) : 2 = 38.201.850đ$.

Giá trị ngôi nhà là phần di sản của ông Ngô Đ1 được chia cho 7 người, mỗi người được hưởng $38.201.850đ : 7 = 5.457.407đ$.

Giá trị quyền sử dụng đất mà bà Lê Thị G được bà Ngô Thị H, ông Ngô Văn Đ nhường lại $(140m^2 \text{ đất ở } \times 7.000.000đ) + (34.002m^2 \text{ đất trồng cây lâu năm } \times 3.5000.000đ) = 1.099.014.000đ$.

Giá trị di sản thừa kế được chia bằng tiền mà bà Ngô Thị H, ông Ngô Văn Đ nhường lại cho bà Lê Thị G là 28.923.588đ.

Tổng cộng giá trị tài sản mà bà Lê Thị G được nhường là $16.372.221đ + 1.099.014.000đ + 28.923.588đ = 1.144.309.809đ$. Như vậy, bà Lê Thị G phải chịu án phí là $36.000.000đ + 3\% \times 344.309.809đ = 46.329.294đ$.

- Ông Ngô TH phải chịu án phí dân sự sơ thẩm $(70m^2 \text{ đất ở } \times 7.000.000đ) + (17.002m^2 \text{ đất trồng cây lâu năm } \times 3.500.000đ) = 549.507.000đ$. Cụ thể: $20.000.000đ + 4\% \times 149.507.000đ = 25.980.000đ$.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 227, 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

Căn cứ các Điều 609, 610, 611, 612, 623, 649, 650, 660, 688 Bộ luật dân sự năm 2015.

Căn cứ Điều 168, 179 Luật Đất đai.

Căn cứ điểm đ khoản 2 Điều 118 Luật nhà ở.

Căn cứ điểm đ khoản 1 Điều 12; Điều 27, Điều 48 Nghị quyết 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Căn cứ Điều 13 Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm.

Tuyên xử:

[1] Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Ngô T, ông Ngô P và bà Ngô Thị L về việc tranh chấp phân chia di sản thừa kế đối với bị đơn bà Lê Thị G, ông Ngô TH.

[2] Công nhận sự tự nguyện của các đương sự về việc nhường quyền hưởng di sản thừa kế là ngôi nhà cấp 4 tọa lạc tại thửa đất số 168, tờ bản đồ số 39 (Theo trích đo địa chính là thửa đất số 129, tờ bản đồ địa chính 24 đo vẽ năm 2004 tại xã Thủy Phù) tại thôn 3, xã TP, thị xã HT, tỉnh Thừa Thiên Huế cho bà Lê Thị G được quyền sở hữu. Công nhận sự tự nguyện của ông Ngô Văn Đ, bà Ngô Thị H về việc nhường

di sản thừa kế của mình cho bà Lê Thị G đối với phần diện tích đất và di sản thừa kế là tiền.

[3] Giao cho ông Ngô TH được quyền sử dụng diện tích đất 228,9m², trong đó 70,0m² đất ở và 158,9m² đất trồng cây lâu năm; trên thửa đất tồn tại 01 ngôi nhà cấp 4, ký hiệu trong bản trích đo địa chính số 01, tọa lạc tại thửa đất số 168, tờ bản đồ số 39 (Theo trích đo địa chính là thửa đất số 129, tờ bản đồ địa chính 24 đo vẽ năm 2004 tại xã Thủy Phù) tại thôn 3, xã TP, thị xã HT, tỉnh Thừa Thiên Huế.

Vị trí thửa đất được xác định phía bắc, phía đông tiếp giáp với thửa đất của bà Lê Thị G, phía nam tiếp giáp đường Nguyễn Tất Thành (Đường Quốc lộ 1A), phía tây tiếp giáp đường đi. Chiều dài, chiều rộng của thửa đất được giao cho ông Ngô TH được thể hiện chi tiết trong bản trích đo địa chính kèm theo bản án.

Ông Ngô TH được hưởng di sản thừa kế bằng tiền là 14.461.794đ. Số tiền này hiện nay được Hội đồng bồi thường, hỗ trợ và tái định cư Dự án mở rộng Quốc lộ 1A tạm gửi tại Kho bạc Nhà nước thị xã Hương Thủy, tỉnh Thừa Thiên Huế theo văn bản xác nhận năm 2019 của Trung tâm phát triển Quỹ đất thuộc Ủy ban nhân dân thị xã Hương Thủy, tỉnh Thừa Thiên Huế.

+ Ông Ngô TH có nghĩa vụ thanh toán cho bà Lê Thị G số tiền 74.116.000đ.

+ Ông Ngô TH có nghĩa vụ thanh toán cho bà Ngô Thị L số tiền 141.767.500đ.

+ Ông Ngô TH có nghĩa vụ thanh toán cho ông Ngô P số tiền 142.117.500đ.

+ Ông Ngô TH có nghĩa vụ thanh toán cho ông Ngô T số tiền 138.617.500đ.

Các cây trồng trên thửa đất gồm cây cau, măng cụt, bưởi, đinh lăng do ông Ngô TH tạo lập thuộc quyền sở hữu của ông Ngô TH. Đối với phần tường rào do ông Ngô T xây dựng nằm trong diện tích đất được giao cho ông Ngô TH thuộc quyền sở hữu của ông Ngô TH, ông Ngô TH không phải thanh toán giá trị xây dựng cho ông Ngô T.

[4] Giao cho bà Lê Thị G được quyền sử dụng 348,1m², trong đó 220m² đất ở và 128,1m² đất trồng cây lâu năm; được quyền sở hữu tài sản trên thửa đất là ngôi nhà cấp 4, nhà vệ sinh, có ký hiệu trong bản trích đo địa chính là số 02, tọa lạc tại thửa đất số 168, tờ bản đồ số 39 (Theo trích đo địa chính là thửa đất số 129, tờ bản đồ địa chính 24 đo vẽ năm 2004 tại xã Thủy Phù) tại thôn 3, xã TP, thị xã HT, tỉnh Thừa Thiên Huế. Vị trí thửa đất được xác định phía bắc tiếp giáp với thửa đất của ông Phan Văn Quả, phía đông tiếp giáp thửa đất của bà Ngô Thị L, phía nam tiếp giáp đường Nguyễn Tất Thành (Đường Quốc lộ 1A), phía tây tiếp giáp thửa đất của ông Ngô TH. Chiều dài, chiều rộng của thửa đất được giao cho bà Lê Thị G được thể hiện chi tiết trong bản trích đo địa chính kèm theo bản án.

Bà Lê Thị G được ông Ngô TH thanh toán số tiền 74.116.000đ.

Các cây trồng trên thửa đất do bà Lê Thị G tạo lập thuộc quyền sở hữu của bà Lê Thị G; đối với phần tường rào tồn tại trên thửa đất được giao cho bà Lê Thị G thuộc quyền sở hữu của bà Lê Thị G, bà Lê Thị G không phải thanh toán giá trị xây dựng tường rào cho ông Ngô T.

Bà Lê Thị G được hưởng di sản thừa kế bằng tiền là 61.382.552đ. Số tiền này hiện nay được Hội đồng bồi thường, hỗ trợ và tái định cư Dự án mở rộng Quốc lộ 1A

tạm gửi tại Kho bạc Nhà nước thị xã Hương Thủy, tỉnh Thừa Thiên Huế theo văn bản xác nhận năm 2019 của Trung tâm phát triển Quỹ đất thuộc Ủy ban nhân dân thị xã Hương Thủy, tỉnh Thừa Thiên Huế.

[5] Giao cho bà Ngô Thị L được quyền sử dụng 168,3m², trong đó 70m² đất ở và 98,3m² đất trồng cây lâu năm, có ký hiệu trong bản trích đo địa chính là số 03, tọa lạc tại thửa đất số 168, tờ bản đồ số 39 (Theo trích đo địa chính là thửa đất số 129, tờ bản đồ địa chính 24 đo vẽ năm 2004 tại xã Thủy Phú) tại thôn 3, xã TP, thị xã HT, tỉnh Thừa Thiên Huế.

Vị trí thửa đất mà bà Ngô Thị L được xác định: Phía bắc tiếp giáp thửa đất của ông Phan Văn Quả, phía đông tiếp giáp thửa đất của ông Ngô P, phía Nam tiếp giáp đường Nguyễn Tất Thành (Đường Quốc lộ 1A), phía tây tiếp giáp thửa đất của bà Lê Thị G. Chiều dài, chiều rộng của thửa đất được giao cho bà Ngô Thị L được thể hiện chi tiết trong bản trích đo địa chính kèm theo bản án.

Bà Ngô Thị L được ông Ngô TH thanh toán số tiền 141.767.500đ.

Bà Ngô Thị L được quyền sở hữu giếng nước, phần diện tích tường rào nằm trong phần diện tích đất mà bà Ngô Thị L được giao; bà Ngô Thị L không phải thanh toán giá trị cho bà Lê Thị G, ông Ngô T.

Bà Ngô Thị L được hưởng di sản thừa kế bằng tiền là 34.708.306đ. Số tiền này hiện nay được Hội đồng bồi thường, hỗ trợ và tái định cư Dự án mở rộng Quốc lộ 1A tạm gửi tại Kho bạc Nhà nước thị xã Hương Thủy, tỉnh Thừa Thiên Huế theo văn bản xác nhận năm 2019 của Trung tâm phát triển Quỹ đất thuộc Ủy ban nhân dân thị xã Hương Thủy, tỉnh Thừa Thiên Huế.

[6] Giao cho ông Ngô P được quyền sử dụng 168,2m², trong đó 70m² đất ở và 98,2m² đất trồng cây lâu năm, có ký hiệu trong bản trích đo địa chính số 04, tọa lạc tại thửa đất số 168, tờ bản đồ số 39 (Theo trích đo địa chính là thửa đất số 129, tờ bản đồ địa chính 24 đo vẽ năm 2004 tại xã Thủy Phú) tại thôn 3, xã TP, thị xã HT, tỉnh Thừa Thiên Huế.

Vị trí thửa đất mà ông Ngô P được xác định phía bắc tiếp giáp thửa đất của ông Phan Văn Quả, phía đông tiếp giáp thửa đất của ông Ngô T, phía Nam tiếp giáp đường Nguyễn Tất Thành (Quốc lộ 1A), phía tây tiếp giáp thửa đất của bà Ngô Thị L. Chiều dài, chiều rộng của thửa đất được giao cho ông Ngô P được thể hiện chi tiết trong bản trích đo địa chính kèm theo bản án.

Ông Ngô P được ông Ngô TH thanh toán số tiền 142.117.500đ.

Ông Ngô P được quyền sở hữu cây trồng trên đất gồm cây bông Trang, chuối; ông Ngô P không phải thanh toán giá trị cây trồng cho bà Lê Thị G. Ông Ngô P được quyền sở hữu phần tường rào gắn liền với thửa đất được giao, ông Ngô P không phải thanh toán lại giá trị xây dựng cho ông Ngô T.

Ông Ngô P được hưởng di sản thừa kế bằng tiền là 34.708.306đ. Số tiền này hiện nay được Hội đồng bồi thường, hỗ trợ và tái định cư Dự án mở rộng Quốc lộ 1A tạm gửi tại Kho bạc Nhà nước thị xã Hương Thủy, tỉnh Thừa Thiên Huế theo văn bản xác nhận năm 2019 của Trung tâm phát triển Quỹ đất thuộc Ủy ban nhân dân thị xã

Hương Thủy, tỉnh Thừa Thiên Huế.

[7] Ông Ngô T được quyền sử dụng 169,2m², trong đó 70m² đất ở và 99,2m² đất trồng cây lâu năm, có ký hiệu trong bản trích đo địa chính số 05, tọa lạc tại thửa đất số 168, tờ bản đồ số 39 (Theo trích đo địa chính là thửa đất số 129, tờ bản đồ địa chính 24 do vẽ năm 2004 tại xã Thủy Phù) tại thôn 3, xã TP, thị xã HT, tỉnh Thừa Thiên Huế.

Vị trí thửa đất mà ông Ngô T được xác định phía bắc tiếp giáp thửa đất của ông Phan Văn Quả, phía đông tiếp giáp đường đi, phía nam tiếp giáp đường Nguyễn Tất Thành (Đường Quốc lộ 1A), phía tây tiếp giáp thửa đất ông Ngô P. Chiều dài, chiều rộng của thửa đất được giao cho ông Ngô T được thể hiện chi tiết trong bản trích đo địa chính kèm theo bản án.

Ông Ngô T được ông Ngô TH thanh toán số tiền 138.617.500đ.

Cây trồng trên đất gồm có cây cau, rau muống, chuối thuộc quyền sở hữu của ông Ngô T, ông Ngô T không phải thanh toán giá trị cây trồng cho bà Lê Thị G.

Ông Ngô T được hưởng di sản thừa kế bằng tiền là 34.708.306đ. Số tiền này hiện nay được Hội đồng bồi thường, hỗ trợ và tái định cư Dự án mở rộng Quốc lộ 1A tạm gửi tại Kho bạc Nhà nước thị xã Hương Thủy, tỉnh Thừa Thiên Huế theo văn bản xác nhận năm 2019 của Trung tâm phát triển Quỹ đất thuộc Ủy ban nhân dân thị xã Hương Thủy, tỉnh Thừa Thiên Huế.

[8] Sau khi Bản án của Tòa án có hiệu lực pháp luật, bà Lê Thị G, ông Ngô TH, ông Ngô T, ông Ngô P và bà Ngô Thị L có trách nhiệm liên hệ với Cơ quan Nhà nước có thẩm quyền để làm thủ tục cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất theo quy định của pháp luật.

[9] Sau khi Bản án của Tòa án có hiệu lực pháp luật, bà Lê Thị G, ông Ngô TH, ông Ngô T, ông Ngô P và bà Ngô Thị L có trách nhiệm liên hệ với Cơ quan Nhà nước có thẩm quyền để nhận số tiền đền bù giải phóng mặt bằng dự án mở rộng quốc lộ 1A mà mình được Tòa án phân chia.

[10] Sau khi Bản án này có hiệu lực pháp luật, kể từ ngày bà Lê Thị G, bà Ngô Thị L, ông Ngô P và ông Ngô T (là người được thi hành án) có đơn yêu cầu thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án (là ông Ngô TH) còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

[11] Về lệ phí: Ông Ngô T chịu 3.709.000đ, ông Ngô T đã nộp đủ.

[12] Về án phí:

- Miễn toàn bộ án phí đối với phần di sản được chia cho bà Lê Thị G, ông Ngô T, ông Ngô P và bà Ngô Thị L.

- Bà Lê Thị G phải chịu 46.329.294đ án phí dân sự sơ thẩm đối với phần di sản không thuộc trường hợp được miễn án phí.

- Ông Ngô TH phải chịu 25.980.000đ án phí dân sự sơ thẩm.

Hoàn trả cho bà Ngô Thị L, ông Ngô T, ông Ngô P số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm mỗi người đã nộp là 2.964.000đ theo các biên lai thu tạm ứng án phí, lệ

phí Toà án số AA/2013/000326, AA/2013/000327 và AA/2013/000328 ngày 18/10/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Hương Thủy, tỉnh Thừa Thiên Huế.

[13] Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Án xử sơ thẩm công khai báo cho nguyên đơn, bị đơn, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Ông Ngô TH vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

(ĐÃ KÍ)

Nguyễn Ngọc Dũng

Nơi nhận:

- TAND tỉnh TTHuế;
- VKSND tỉnh TTHuế;
- VKSND thị xã Hương Thủy;
- Chi cục THADS thị xã Hương Thủy;
- Các đương sự;
- Lưu HSVA;
- Lưu bản án.

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Các Hội thẩm nhân dân **Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa**

Nguyễn Hữu Thành Võ Trọng Thơi

Nguyễn Ngọc Dũng